

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S - TP. ĐÀ NẴNG

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án

- Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 248/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2022 về việc “*yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* *Người yêu cầu:*

+ Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1959. Địa chỉ: số 9 đường D, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

+ Bà Trịnh Thị M, sinh năm 1958. Địa chỉ: số 9 đường D, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 21 tháng 12 năm 2022, người yêu cầu là ông Nguyễn Thanh H và bà Trịnh Thị M đã thỏa thuận được như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Thanh H và bà Trịnh Thị M tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 1990, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận kết hôn số 36/1990, ngày 02/08/1990). Trong quá trình chung sống vợ chồng ông bà đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm sống và tính tình không phù hợp, vợ chồng quá khác biệt về tư tưởng cũng như về tính cách nên nảy sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn. Nay ông bà đều xác

định không còn tình cảm gì với nhau nữa và đã thuận tình ly hôn nên ông bà yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của hai vợ chồng.

[2] Về con chung: ông Nguyễn Thanh H và bà Trịnh Thị M xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thanh P, sinh ngày 30/4/1991 và Nguyễn Thị Hồng Q, sinh ngày 08/4/1992. Các con đều đã trưởng thành nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung.

[3] Về tài sản chung: ông Nguyễn Thanh H và bà Trịnh Thị M xác định tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: ông Nguyễn Thanh H và bà Trịnh Thị M khẳng định vợ chồng không có nợ chung.

[5] Về lệ phí hôn nhân gia đình: theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi thì ông Nguyễn Thanh H và bà Trịnh Thị M là *người cao tuổi* nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Hữu, bà Mỹ thuộc trường hợp được miễn lệ phí theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, sự thỏa thuận trên của hai ông bà là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Thanh H và bà Trịnh Thị M thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 36/1990 do Ủy ban nhân dân phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 02/08/1990).

* Về con chung: ông Nguyễn Thanh H và bà Trịnh Thị M xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thanh P, sinh ngày 30/4/1991 và Nguyễn Thị Hồng Q, sinh ngày 8/4/1992. Các con đều đã trưởng thành nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung

* Về tài sản chung: ông Nguyễn Thanh H và bà Trịnh Thị M xác định tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về nợ chung: ông Nguyễn Thanh H và bà Trịnh Thị M khẳng định vợ chồng không có nợ chung.

2. Về lệ phí hôn nhân gia đình: ông Nguyễn Thanh H và bà Trịnh Thị M được miễn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSNDQ. S;
- Các đương sự;
- CC THADS Q. S;
- UBND phường T,
quận H, TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Võ Thị Phước Hòa